

Bản án số: 85/2020/HS-ST
Ngày 23- 6- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, V**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Kim Dung

- Ông Bùi Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Vĩnh Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên
tòa:*** Bà Vũ Thị Tuyết Nh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 17/6/1998, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Ngõ 13, đường Trần Quốc Tuấn, khu hành chính 10, phường N, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; chồng: Dương Văn T (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hỏa Lò); con: 01 con, sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 23/2016/HSST ngày 29/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, V xử phạt Nguyễn Ngọc Á 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tháng 8/2017 Á đã chấp hành xong; Tại quyết định xử phạt hành chính số 001243/QĐ- XPHC của Công an thành phố Vĩnh Yên xử phạt Nguyễn Ngọc Á về hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác với mức phạt 750.000đ. Ngày 07/10/2016 Á đã nộp phạt xong. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Bị hại: Chị Tô Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện Y, tỉnh V (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của chị M là anh Tô Hữu Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh V (có mặt);

- Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, thị trấn Th, huyện V, tỉnh V (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Quang Ng, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 55 đường H, phường T, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt);

- Anh Vũ Ngọc S, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 7, đường Đ, phường T, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt);

4. Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Ngõ 2, đường Ng, xã Đ, thành phố Y, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong 02 ngày 10/9/2019 và ngày 01/10/2019, Nguyễn Ngọc Á đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Ngày 09/9/2019 anh Đỗ Văn M, sinh năm 1985 ở thôn Nam Cường, thị trấn Thổ Tang, huyện V, tỉnh V điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu S đen bạc, BKS: 88B1 - 005.42 tới nhà chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985 ở Ngõ 2, đường Nguyễn Viết Tú, xã Định Trung, thành phố V Yên, tỉnh V Phúc để chơi thì gặp Nguyễn Ngọc Á. Tại đây, anh M và Á ở lại nhà chị Q chơi đến khoảng 7 giờ ngày 10/9/2019. Lúc này, bản thân Á không có tiền tiêu sài cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy BKS: 88B1 - 005.42 của anh M để bán lấy tiền tiêu sài. Sau đó, Á nói với anh M “Anh cho em mượn xe đi mua đồ ăn sáng”. Á nói vậy anh M tin tưởng giao xe máy BKS: 88B1 - 005.42 cho Á, khi giao xe cho Á bên trong cốp xe có 01 đăng ký xe máy BKS: 88B1 - 005.42 mang tên Phùng Văn M. Khi thấy Á mượn xe máy nói là đi mua đồ ăn sáng thì chị Q có đưa cho Á số tiền 200.000 đồng nhờ Á mua đồ ăn sáng. Sau khi nhận được xe máy, Á một mình điều khiển xe tới gặp chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1991 ở thôn Hợp Thành, xã Hợp Châu, huyện T, tỉnh V đặt vấn đề cầm cố xe thì chị Nh đồng ý nhận cầm cố xe của Á với giá 3.000.000 đồng, khi nhận cầm cố xe thì chị Nh có hỏi Á về nguồn gốc xe máy thì Á nói đó là xe máy của Á và có cả giấy đăng ký xe máy nên chị Nh tin tưởng. Việc cầm cố xe máy giữa hai bên không viết giấy tờ thỏa thuận gì và cũng không thỏa thuận về lãi suất. Sau đó, Á giao xe máy cho chị Nh và nhận số tiền 3.000.000đ tiêu sài cá nhân hết. Sau khi cầm cố xe máy cho chị Nh, Á nảy sinh ý định chuộc lại xe mang đi bán kiếm nhiều tiền hơn. Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 23/9/2019 Á một mình tới gặp chị Nh chuộc lại xe với giá 3.500.000 đồng (trong đó 500.000đ là tiền lãi) rồi điều khiển xe máy đến cửa hàng mua bán xe máy Quang Ng ở số nhà 55, đường Hùng Vương, Tích S, V Yên. Tại đây, Á gặp và đặt vấn đề bán

xe cho ông Trần Quang Ng, sinh năm 1973 (là chủ cửa hàng). Khi Á đặt vấn đề bán xe, ông Ng có hỏi về nguồn gốc xe thì Á nói đây là xe của Á và đưa cho ông Ng xem đăng ký xe nên ông Ng đồng ý mua xe với giá 14.000.000 đồng (trong đó giao trước 10.000.000 đồng còn 4.000.000 đồng hẹn sau 2 ngày sẽ giao nốt). Á có viết 01 giấy bán xe máy cho ông Ng và nhận 10.000.000đ từ ông Ng. Ngày 25/9/2019 Á tới gặp ông Ng lấy nốt 4.000.000 đồng, số tiền bán xe máy Á đã tiêu sai cá nhân hết. Ngày 13/9/2019 Á tới gặp chị Q trả cho chị Q số tiền 200.000 đồng là tiền chị Q nhờ Á đi mua đồ ăn sáng.

Ngày 15/10/2019, anh Đỗ Văn M giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên 01 giấy bán xe máy BKS: 88B1 - 005.42 giữa anh M và anh Đỗ Anh Tuấn.

Ngày 18/10/2019, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên tạm giữ tại cửa hàng của ông Trần Quang Ng xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS: 88B1 – 005.42, 01 đăng ký xe máy mang tên Phùng Văn Minh và 01 giấy bán xe máy.

Tại Kết luận định giá tài sản số 203/KL-HĐĐG ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận: *“01 xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu S đen bạc, BKS:88B1 - 005.42. Số khung: 1800AY324081. Số máy: JF27E0369424. Xe đã qua sử dụng, sản xuất tại Việt Nam năm 2011, có giá trị là 17.000.000đ ”.*

Tại kết luận giám định số 2357/KLGD ngày 08/11/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an V kết luận:

“Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết dưới mục: “Người khai” trên tài liệu mẫu so sÁ (ký hiệu M1) và chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sÁ (ký hiệu M2) là do cùng một người ký, viết ra”. Như vậy, chữ ký chữ viết trên giấy bán xe là của Nguyễn Ngọc Á.

Vụ thứ 2: Khoảng 18 giờ 30 ngày 01/10/2019 Nguyễn Ngọc Á đi bộ một mình tới quán cắt tóc của chị Tô Thị M (tên gọi khác là Duyên), sinh năm 1986 ở Ngõ 1, đường Phạm Văn Đồng, phường Tích S, thành phố V, tỉnh V gặp và mời chị M đi ăn, chị M đồng ý rồi một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ nâu, BKS: 88F1 - 393.52 tới quán bia Việt Hà ở Rạp 19/5 phường Ngô Quyền, thành phố V Yên ăn uống cùng Á. Khi đang ăn thì Á nói với chị M “cho em mượn xe ra đây lấy tiền”. Do bản thân có quan hệ quen biết từ trước nên chị M tin tưởng đồng ý giao xe máy, BKS: 88F1 - 393.52 cho Á mượn. Sau khi chiếm đoạt được xe máy, Á điều khiển xe máy tới gặp Vũ Ngọc S (tên gọi khác Te Lợn) ở Ngõ 7, đường Điện Biên Phủ, phường Tích S, thành phố V đặt vấn đề cầm cố xe máy, BKS: 88F1 - 393.52 cho S. Khi cầm cố xe, S hỏi Á về nguồn gốc xe máy thì Á nói là xe máy của Á, do có quan hệ quen biết từ lâu nên S đồng ý nhận cầm cố xe của Á với giá 7.000.000 đồng (cắt lãi trước

700.000 đồng). Khi thỏa thuận cầm cố hai bên không lập giấy tờ thỏa thuận gì, không thỏa thuận thời gian cầm cố và lãi suất, khi nào Á đến chuộc xe máy thì tính lãi sau. Sau khi thỏa thuận xong, Á giao xe máy cho S rồi nhận 6.300.000 đồng từ S và tiêu sài cá nhân hết. Khoảng tháng 12/2019 không thấy Á chuộc xe nên S đã bán xe máy trên cho một người nam giới (không biết họ tên tuổi địa chỉ) được 7 triệu đồng. Sau khi cho Á mượn xe máy nhưng không thấy Á trả xe và không liên lạc được với Á nên chị M đã tới cơ quan công an trình báo sự việc.

Ngày 02/10/2019, chị Tô Thị M có đơn trình báo tới Công an thành phố Vĩnh Yên về việc bị Nguyễn Ngọc Á lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vison, màu S đỏ nâu, BKS: 88F1 - 393.52. Trị giá thiệt hại về tài sản là 30.000.000đ, đồng thời chị M đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 đăng ký xe máy, BKS: 88F1 – 393.52 mang tên Tô Thị M.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 20/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận: *“01 xe máy nhãn hiệu Honda Vison, màu S đỏ nâu, BKS: 88F1 – 393.52. Số khung: 5817GY398171. Số máy: JF66E0380264. Xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2017, định giá qua hồ sơ, có giá trị là 21.000.000đ”*.

Bị hại anh Đỗ Văn M tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh M khai nhận. Khoảng 07 giờ 00 ngày 10/9/2019 anh đang ở nhà ang Đỗ Văn Kh vợ là Nguyễn Thị Q tại ngõ 2 đường Nguyễn Viết Tú, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, Nguyễn Ngọc Á có hỏi mượn xe máy BKS: 88B1 - 005.42 của anh để đi mua đồ ăn sáng. Anh tin tưởng và giao xe cho Á mượn, trong xe anh có để 01 đăng ký xe BKS: 88B1 - 005.42, sau đó Á đi đâu làm anh không biết và không thấy Á mang trả lại xe, anh nhiều lần gọi điện thì Á bảo anh chờ một chút Á sẽ đem xe về trả, anh chờ mãi không thấy Anh trả xe nên đã có đơn trình báo công an về sự việc trên.

Người bị hại Tô Thị M trình bày: Khoảng 18 giờ 30 ngày 01/10/2019 chị M đang ở quán cắt tóc, gọi đầu Á đi taxi đến quán và rủ chị Á rủ chị M đi ăn, chị M đồng ý, sau đó Á hẹn chị M ra quán bia Việt Hà gần giáp 19-5 ở phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, sau đó Á đi taxi ra trước chị M đi xe máy ra sau. Khi ngồi ăn Á có hỏi mượn xe máy của chị M nói “Cho mượn xe ra đây lấy tiền”. Do có quan hệ quen biết từ trước nên chị M đã đồng ý cho mượn xe máy. Sau đó Á đi đâu, làm gì chị M không biết và cũng không thấy Á trả lại xe cho chị M mặc dù chị M rất nhiều lần điện thoại yêu cầu cho Á trả xe nhưng Á không trả nên chị M đã làm đơn trình báo công an sự việc trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Ng tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra ông khai nhận: Ngày 23/9/2019 Nguyễn Ngọc Á ở phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên đến cửa hành xe máy của ông đề

Ng bán chiếc xe BKS: 88B1 - 005.42, sau khi xem xe và đăng ký xe ông đồng ý mua xe. Hai bên thỏa thuận giá chiếc xe máy trên trị giá 14.000.000đ và lập giấy tờ mua bán, ông đã đưa trước cho Á 10.000.000đ Á giao xe và giấy tờ xe máy cho ông. Sau đó khoảng 02 ngày sau Á đến lấy nốt số tiền 4.000.000đ. Khi mua chiếc xe BKS: 88B1 - 005.42, ông có hỏi nguồn gốc xe thì Á bảo là xe của Á. Sau khi biết xe máy Á bán cho ông là tài sản do người khác phạm tội mà có, ông đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan điều tra. Nay ông yêu cầu Á phải trả ông số tiền mua xe là 14.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Ngọc S tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh S khai nhận. Khoảng đầu tháng 10/2019 Á có đi 01 xe máy hiệu Vison BKS: 88F1- 393-52 không giấy tờ đề Ng cầm cố xe. Do quen biết nên anh đã đồng ý cầm cố chiếc xe trên với giá 7.000.000đ nhưng phải cắt lãi 700.000đ, Á đồng ý và anh đã giao cho Á 6.300.000đ và không thỏa thuận thời gian cầm cố. Đến đầu tháng 12/2019 do không thấy Á đến chuộc xe nên anh đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết được 7.000.000đ và hai bên không lập giấy tờ gì. Khi được biết xe máy trên do Á phạm tội mà có nên anh đã tự nguyện nộp số tiền 700.000đ tiền thu lời bất chính cho cơ quan điều tra. Nay anh không có kiến gì về khoản tiền 700.000đ đã nộp lại cho cơ quan điều tra.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Q tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra chị Q khai nhận trình bày: Chị là bạn của anh Đỗ Văn M và Nguyễn Ngọc Á, ngày 09/10/2019 M và Á đến nhà chị chơi và ngủ lại tại nhà chị. Sáng ngày 10/9/2019 Á có hỏi mượn xe máy BKS 88B1- 005-42 của M, anh M đồng ý, khi Á nói vậy chị đã đưa Á 200.000đ nhờ Á đi mua đồ ăn sáng hộ, sau đó Á đi đâu làm gì chị không biết và không thấy trả lại xe máy cho anh M và mua đồ ăn sáng cho chị. Khoảng 4 ngày sau Á đến nhà chị trả lại 200.000đ tiền chị nhờ mua đồ ăn sáng. Khi M giao xe máy cho Á, chị được biết hai bên không thỏa thuận gì về việc Á được cầm cố hay mua bán chiếc máy trên.

Tại Cáo trạng số: 74/CT-VKS ngày 04/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Nguyễn Ngọc Á về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Á giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề Ng Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Á phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Á từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584; 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; trả lại cho chị Tô Thị M Đối với 01 đăng ký xe máy, BKS: 88F1 – 393.52 mang tên Tô Thị M do chị M giao nộp là tài sản hợp pháp của chị M; xác nhận cơ quan điều tra đã trả cho anh Đỗ Văn M 01 chiếc xe máy BKS: 88B1 - 005.42; công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Ngọc Á với chị Tô Thị M thỏa thuận về việc bị cáo Á bồi thường cho chị M số tiền 21.000.000đ. Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trần Quang Ng số tiền 14.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Á không bào chữa và tranh luận gì. Đề Ng Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Á tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong 02 ngày 10/9/2019 và ngày 01/10/2019, Nguyễn Ngọc Á đã dùng thủ đoạn gian dối thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên với tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 35.000.000đ. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 10/9/2019, tại nhà chị Nguyễn Thị Q ở ngõ 2, đường Nguyễn Viết Tú, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, V, Á dùng thủ đoạn gian dối là mượn xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 88B1 – 005.42 của anh M đem đi cầm cố cho chị Vũ Thị Nh được 3.000.000đ, sau đó lại chuộc xe máy đem bán cho anh Trần Quang Ng được 14.000.000đ tiêu xài cá nhân hết. Trị giá tài sản do Á chiếm đoạt được là 17.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/10/2019, tại quán bia Việt Hà ở rạp 19/5 phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, V, Á dùng thủ đoạn gian dối là mượn xe máy nhãn hiệu Honda Vison, BKS: 88F1 – 393.52 của chị M đem đi cầm cố cho anh Vũ Ngọc S được 7.000.000đ tiêu xài cá nhân hết. Trị giá tài sản do Á chiếm đoạt được là 21.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Á đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Á phạm tội 02 lần (lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 người) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) làm căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính về hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nếu để cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề Ng của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án gồm:

Đối với Vũ Thị Nh là người đã nhận cầm cố xe máy, BKS: 88B1 – 005.42 của Á do chiếm đoạt được của anh Đỗ Văn M mà có, sau đó Á đã đến chuộc lại xe máy về bán cho anh Trần Quang Ng. Quá trình điều tra, Á khai khi đem xe máy đến cầm cố cho Nh thì Á nói nguồn gốc xe máy là tài sản hợp pháp của Á, Nh không biết gì về hành vi phạm tội của Á. Tuy nhiên, quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã nhiều lần triệu tập Nh lên làm việc nhưng hiện nay Nh không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì địa phương không nắm được. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý.

Đối với Trần Quang Ng là người đã mua xe máy, BKS: 88B1 - 005.42 của Á do chiếm đoạt được của anh Đỗ Văn M mà có. Quá trình điều tra xác định, khi mua xe máy trên, ông Ng được Á cho biết nguồn gốc xe máy là tài sản hợp pháp của Á. Đồng thời, ông Ng cũng không biết gì về hành vi phạm tội của Á. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên không đề cập xử lý.

Đối với Vũ Ngọc S là người đã nhận cầm cố xe máy, BKS: 88F1 – 393.52 của Á do chiếm đoạt được của chị Tô Thị M mà có. Quá trình điều tra xác định, khi nhận cầm cố xe máy trên, S được Á cho biết nguồn gốc xe máy là tài sản hợp pháp của Á. Đồng thời, S cũng không biết gì về hành vi phạm tội của Á, còn số tiền chênh lệch 700.000đ nhận cầm cố xe máy của Á, S đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông đã mua xe máy, BKS: 88F1 – 393.52 của S. Quá trình điều tra S khai vào một buổi chiều ngày đầu tháng 12/2019 (S không nhớ chính xác thời gian) có gặp một người nam giới khoảng 30 tuổi, dáng người cao gầy (không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) ở cửa hàng xe máy trên đường Hùng Vương, phường Tích S, thành phố Vĩnh Yên (không nhớ địa chỉ chính xác của cửa hàng). Do thấy người nam giới trên có nhu cầu mua xe máy nên S đã đưa người nam giới đó về nhà S để bán xe máy, BKS: 88F1 – 393.52 của Á cầm cố. Khi thỏa thuận mua bán xe máy thì S nói nguồn gốc xe máy là của S và bán với giá 7.000.000đ, người nam giới kia đồng ý. Sau đó, S giao xe máy và nhận tiền, số tiền 7.000.000đ S đã tiêu sài cá nhân hết. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã tiến hành xác minh tại phường Tích S về nhân thân, lai lịch của người nam giới có đặc điểm nhận dạng như lời khai của S, tuy nhiên không xác định được. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với số tiền 700.000đ, thu giữ của Vũ Ngọc S là tiền thu lời bất chính mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với đăng ký xe máy BKS: 88F1 – 393.52 mang tên Tô Thị M do chị M giao nộp là tài sản hợp pháp của chị M cần trả lại cho chị M.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 88B1 – 005.42, quá trình điều tra xác định xe máy trên đứng tên đăng ký sở hữu là anh Phùng Văn Minh, sinh năm 1985 ở Phố Trà, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, V, anh Minh mua mới năm 2011 và đứng tên đăng ký sở hữu. Sau đó, do không có nhu cầu sử dụng nên khoảng năm 2016 anh Minh đã bán xe máy trên cho anh Đỗ Anh Tuấn, sinh năm 1971 ở thôn Đồi Me, xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường, V (anh Tuấn kinh doanh cửa hàng mua bán xe máy cũ), đến khoảng tháng 4/2019 thì anh Tuấn bán xe máy trên cho anh Đỗ Văn M sử dụng làm phương tiện đi lại, ngày 10/9/2019 thì bị Á chiếm đoạt. Do vậy, ngày 16/4/2020, cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh M xe máy, BKS: 88B1 – 005.42 cùng 01 đăng ký xe máy và 01 giấy mua bán xe máy, anh M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề Ng gì về bồi thường dân sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc Á và chị Tô Thị M thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại về tài sản là bị cáo Á bồi thường cho chị M số tiền 21.000.000đ, việc thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Bị cáo Anh chấp nhận bồi thường cho ông Trần Quang Ng số tiền 14.000.000đ nên buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Á phải bồi thường cho ông Trần Quang Ng số tiền 14.000.000đ tiền ông Ng mua xe của Á.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Á 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về dân sự: Căn cứ vào khoảng 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Ngọc Á và bị hại chị Tô Thị M về việc bị cáo Á bồi thường bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị M số tiền 21.000.000đ (Hai một triệu đồng); Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trần Quang Ng số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 700.000đ thu giữ của Vũ Ngọc S.

Trả lại 01 đăng ký xe máy BKS: 88F1 – 393.52 mang tên Tô Thị M cho chị M (đặc điểm đăng ký xe theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 06/5/2020).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Ngọc Á phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, người có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp V;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Tòa án nhân dân V;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đào Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Kim Dung Bùi Thanh Bình

Đào Văn Tiến

